ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

HUỲNH THỊ NGỌC THANH

NGHIÊN CỨU HÀNH VI DU LỊCH CÓ TRÁCH NHIỆM TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG: TRƯỜNG HỢP XÃ HOÀ BẮC

TÓM TẮT
LUẬN VĂN THẠC SỸ QUẢN TRỊ KINH DOANH
Mã số: 834 01 01

Đà Nẵng, Năm 2024

Công trình được hoàn thành tại
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ, ĐHĐN

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Lê Văn Huy

Phản biện 1: TS. Huỳnh Thị Mỹ Hạnh
Phản biện 2: TS. Huỳnh Huy Hòa

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ Quản trị kinh doanh họp tại Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng vào ngày 01 tháng 06 năm 2024

Có thể tìm hiểu luận văn tại:
- Trung tâm Thông tin-Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, ĐHĐN

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Du lịch luôn là ngành trọng điểm góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế toàn cầu, trong đó có Việt Nam. Sự phát triển nhanh chóng của ngành du lịch đã biến Việt Nam thành điểm đến hấp dẫn thu hút du khách quốc tế. Để đạt thành công bền vững trong du lịch và mang lại lợi ích kéo dài, hướng tới du lịch bền vững là cần thiết, như Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030 đã đề ra. Tuy nhiên, việc thực hiện du lịch có trách nhiệm hiệu quả không đơn giản, bởi mỗi địa điểm có các đặc thù riêng về kinh tế, xã hội, tài nguyên và ý thức cộng đồng.

Sau đại dịch Covid-19, sự quan tâm đối với du lịch sinh thái và cộng đồng đã tăng, và cơ quan quản lý cũng nhận thức được lợi ích của các loại hình du lịch này về môi trường và văn hóa. Loại hình du lịch này góp phần bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên, duy trì truyền thống văn hóa và cung cấp lợi ích kinh tế cho cộng đồng địa phương.

Năm 2019, Đà Nẵng đầu tư phát triển mô hình du lịch sinh thái cộng đồng tại Hòa Bắc, nhưng cùng với sự phát triển đó, đã xuất hiện các vấn đề như xây dựng trái phép và ô nhiễm môi trường do hoạt động du lịch. Vì vậy, việc thực hiện du lịch có trách nhiệm là cần thiết.

Việc thực hiện du lịch có trách nhiệm đòi hỏi sự tham gia của nhiều bên liên quan, trong đó khách du lịch đóng vai trò quan trọng. Trước những tác động tiêu cực của du lịch, khách du lịch cần có ứng xử văn minh và có trách nhiệm đối với chuyến đi của mình.

Với những quan điểm trên, tác giả chọn đề tài "***Nghiên cứu hành vi du lịch có trách nhiệm tại thành phố Đà Nẵng: trường hợp khu du lịch Hòa Bắc***" để thực hiện nghiên cứu của mình.

2. Mục tiêu nghiên cứu

2.1. *Mục tiêu chung*

Đánh giá hành vi du lịch có trách nhiệm của du khách khi du lịch tại xã Hòa Bắc. Nghiên cứu cũng xem xét các yếu tố tác động đến việc thực hiện hành vi du lịch có trách nhiệm ; đồng thời trả lời cho các câu hỏi liệu du khách có sẵn sàng thực hiện các hành vi du lịch có trách nhiệm và xem đó là điều đúng đắn cần làm hay không. Từ kết quả nghiên cứu đó, đề xuất một số gợi ý chính sách nhằm nâng cao hành vi tiêu dùng có trách nhiệm của khách du lịch khi đến du lịch tại Hòa Bắc.

2.2. *Mục tiêu cụ thể*

- Hệ thống hóa những vấn đề lý luận liên quan đến hành vi du lịch có trách nhiệm.

- Đề xuất mô hình và kiểm định mô hình để đánh giá được hành vi du lịch có trách nhiệm của du khách nội địa khi đi du lịch tại Hòa Bắc, Đà Nẵng

- Đánh giá tác động của hình ảnh điểm đến và giá trị cảm nhận trong việc hình thành hành vi du lịch có trách nhiệm của du khách nội địa khi đi du lịch tại Hòa Bắc, Đà Nẵng.

- Đánh giá tác động của nhận thức và đạo đức cá nhân trong việc hình thành hành vi du lịch có trách nhiệm của du khách nội địa khi đi du lịch tại Hòa Bắc, Đà Nẵng.

- Đánh giá sự tác động của các đặc điểm cá nhân đến hành vi du lịch có trách nhiệm của du khách nội địa khi đi du lịch tại Hòa Bắc, Đà Nẵng.

- Đề xuất một số gợi ý chính sách cho các bên liên quan trong việc nâng cao hành vi du lịch có trách nhiệm của khách du lịch khi khi tham gia du lịch tại Hòa Bắc.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. ***Đối tượng nghiên cứu***

Đối tượng nghiên cứu: Các yếu tố tác động đến hành vi du lịch có trách nhiệm và các hành vi du lịch có trách nhiệm của khách du lịch tại Hoà Bắc.

3.2. *Phạm vi nghiên cứu*

Nghiên cứu được thực hiện tại xã Hòa Bắc, tp.Đà Nẵng, với thời gian thực hiện từ tháng 4/2022 đến 7/2023.

4. Phương pháp nghiên cứu

Giai đoạn 1: Sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính. Tác giả xây dựng mô hình nghiên cứu dựa trên tham khảo lý thuyết và công trình nghiên cứu trước đó và tiến hành phỏng vấn sâu với chuyên gia để xác nhận yếu tố ảnh hưởng đến hành vi du lịch có trách nhiệm của khách du lịch và điều chỉnh thang đo theo bối cảnh nghiên cứu.

Giai đoạn 2: Sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng. Thu thập dữ liệu từ khảo sát bằng bảng câu hỏi với mẫu khảo sát được chọn theo phương pháp thuận tiện. Thang đo Likert 5 mức độ được sử dụng để đo lường biến số. Dữ liệu sau khi thu thập được xử lý bằng SPSS 26 và AMOS 25. Độ tin cậy của thang đo được kiểm tra bằng hệ số Cronbach’s Alpha và phân tích nhân tố khám phá (EFA). Tiếp theo, tác giả thực hiện phân tích nhân tố khẳng định (CFA) và kiểm tra mô hình SEM để xác minh tính hợp lý của mô hình nghiên cứu.

5. Bố cục của đề tài

Luận văn được kết cấu thành 4 chương, cụ thể:

Chương 1: Cơ sở lý luận

Chương 2: Thiết kế nghiên cứu.

Chương 3: Kết quả nghiên cứu.

Chương 4: Kết luận và đề xuất.

CHƯƠNG 1
CƠ SỞ LÝ LUẬN
VỀ HÀNH VI DU LỊCH CÓ TRÁCH NHIỆM

1.1. DU LỊCH CÓ TRÁCH NHIỆM

1.1.1. Khái niệm du lịch có trách nhiệm

Cơ quan Môi trường và Du lịch Nam Phi (2002) đã định nghĩa khái niệm du lịch có trách nhiệm là "*hoạt động du lịch có trách nhiệm với môi trường thông qua việc sử dụng tài nguyên bền vững, có trách nhiệm với cộng đồng địa phương tham gia vào ngành công nghiệp du lịch, trách nhiệm đảm bảo an toàn, an ninh cho khách du lịch, và trách nhiệm với chính phủ, người lao* động, người sử dụng lao động, và cộng đồng địa phương".

1.1.2. Nguyên tắc du lịch có trách nhiệm

Theo Bộ công cụ Du lịch có Trách nhiệm tại Việt Nam cốt lõi của du lịch có trách nhiệm là nguyên tắc của du lịch bền vững

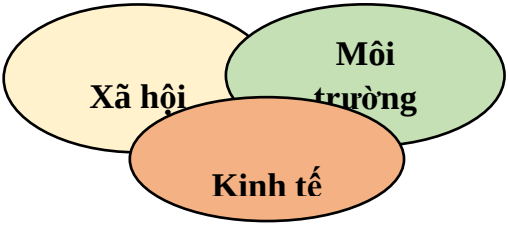

Hình 1.1. Ba trụ cột của du lịch bền vững

Nguồn: Bộ công cụ du lịch có trách nhiệm (2013)

1.2.3. Các lợi ích của du lịch có trách nhiệm

Tuyên bố Cape Town năm 2002 đồng ý rằng du lịch có trách nhiệm:

- Giảm thiểu các tác động tiêu cực về kinh tế, môi trường và xã hội

- Tạo ra lợi ích kinh tế lớn hơn cho người dân địa phương và nâng cao phúc lợi của cộng đồng sở tại; cải thiện điều kiện làm việc và tiếp cận với ngành liên quan đến người dân địa phương trong các quyết định có tác động đến cuộc sống của họ và cơ hội sống đóng góp tích cực vào việc bảo tồn di sản văn hóa và thiên nhiên bao gồm sự đa dạng

- Cung cấp nhiều trải nghiệm thú vị hơn cho khách du lịch thông qua các kết nối có ý nghĩa hơn với người dân địa phương và hiểu biết nhiều hơn về các vấn đề văn hóa, xã hội và môi trường địa phương

- Cung cấp khả năng tiếp cận cho những người gặp khó khăn về thể chất là nhạy cảm về văn hóa, khuyến khích sự tôn trọng giữa khách du lịch và chủ nhà, đồng thời xây dựng niềm tự hào và niềm tin của địa phương

1.2. HÀNH VI

1.2.1. Khái niệm về hành vi

Theo Lerner (2023), hành vi con người là tiềm năng và khả năng thể hiện (tinh thần, thể chất và xã hội) của cá nhân hoặc nhóm con người để đáp ứng với các yếu tố kích thích nội và ngoại vi suốt cuộc đời của họ. Hành vi được thúc đẩy bởi những yếu tố di truyền và môi trường ảnh hưởng đến cá nhân. Hành vi cũng được thúc đẩy, một phần, bởi suy nghĩ và cảm xúc, mang lại cái nhìn vào tâm hồn của cá nhân, tiết lộ những thứ như thái độ và giá trị cá nhân. Hành vi

con người được tạo hình bởi các đặc điểm tâm lý, khi loại hình cá tính thay đổi từ người này sang người khác, tạo ra các hành động và hành vi khác nhau.

1.2.2. Khái niệm về hành vi tiêu dùng du lịch

Theo Caber M, Albayrak T (2016), hành vi tiêu dùng du lịch đề cập đến quá trình người tiêu dùng du lịch lựa chọn và mua các sản phẩm du lịch để đáp ứng nhu cầu du lịch giải trí và các trải nghiệm khác. Quá trình này bao gồm việc tạo ra nhu cầu trước khi đi du lịch, quá trình ra quyết định, tiêu dùng tại các danh lam thắng cảnh và đánh giá sau khi mua. Chịu sự tác động của nhiều yếu tố như kinh tế, xã hội, môi trường văn hóa.

1.2.3. Một số mô hình lý thuyết về hành vi

Để giải thích cho mối liên quan của nhiều yếu tố tác động đến hành vi, nhiều nhà nghiên cứu đã xây dựng mô hình lý thuyết để hiểu rõ hơn về hành vi. Các lý thuyết tâm lý xã hội phổ biến rộng rãi được nhiều nhà nghiên cứu sau kế thừa và áp dụng để giải thích quá trình ra quyết định của người tiêu dùng là mô hình lý thuyết hành vi có kế hoạch - TPB (Ajzen, 1991), lý thuyết Kích hoạt tiêu chuẩn (Schwartz, 1977); thuyết S-O-R (Mehrabian & Russell, 1974). Các lý thuyết này đều cho thấy rằng có nhiều yếu tố tác động đến quá trình thực hiện hành vi của một cá nhân.

1.3. HÀNH VI DU LỊCH CÓ TRÁCH NHIỆM

1.3.1. Khái niệm hành vi du lịch có trách nhiệm của khách du lịch

Theo François-Lecompte và Prim-Allaz (2009), hành vi du lịch có trách nhiệm liên quan đến tác động tích cực đến môi trường và xã hội, với 5 yếu tố đánh giá. Weeden (2013) cho rằng du khách có trách nhiệm tôn trọng cộng đồng và văn hóa địa phương. Men &

cs. (2020) định nghĩa hành vi du lịch có trách nhiệm là giảm tác động tiêu cực, tăng cường tác động tích cực.Ủy ban Đạo đức Du lịch Thế giới đưa ra khuyến nghị về hành vi du lịch có trách nhiệm từ năm 2017, cập nhật vào năm 2020 với 35 hành vi cụ thể.

1.3.2. Các yếu tố có tác động đến hành vi du lịch có trách nhiệm

Witkowski & Reddy (2010) đã phát hiện ra rằng sự tham gia xã hội tác động phía sau đến hành vi có trách nhiệm trong các ngữ cảnh khác nhau. Trong ngữ cảnh du lịch, Diallo &cs (2015) cho thấy rằng du khách tham gia xã hội có khả năng đưa ra những quyết định tiêu dùng một cách kỹ lưỡng và chín chắn hơn. François-Lecompte & Prim-Allaz (2011) đã cho thấy du khách phát triển hành vi có trách nhiệm hơn khi họ quan tâm đến du lịch bền vững (du lịch xa hơn, hy sinh sự thoải mái, v.v.). Zgolli & cs (2018) với kết quả nghiên cứu, cho thấy sự mẫu mực trong quyền lực quản lý của nhà nước có tác động đến hành vi thực hiện du lịch có trách nhiệm.

Dựa vào cơ sở nghiên cứu của Baloch & cs (2022), cho thấy 09 yếu tố tác động đến hành vi du lịch có trách nhiệm

1.4. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU CÓ LIÊN QUAN VỀ HÀNH VI DU LỊCH CÓ TRÁCH NHIỆM

CHƯƠNG 2.
THIẾT KẾ NGHIÊN CỨU

2.1. CÁC GIẢ THUYẾT VÀ MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU ĐỀ XUẤT

2.1.1. Hệ thống giả thuyết nghiên cứu đề xuất

Bảng 2.1. Tổng hợp các gỉa thuyết nghiên cứu đề xuất

Giả thuyết	**Phát biểu**	**Kỳ vọng**
H1	Hình ảnh điểm đến tác động thuận chiều đến gía trị cảm nhận	(+)
H2	Hình ảnh điểm đến tác động thuận chiều đến hành vi du lịch có trách nhiệm	(+)
H3	Giá trị cảm nhận tác động thuận chiều đến hành vi du lịch có trách nhiệm	(+)
H4	Nhận thức về tác hại của du lịch tác động thuận chiều đến chuẩn đạo đức cá nhân	(+)
H5	Nhận thức về tác hại của du lịch tác động thuận chiều đến hành vi du lịch có trách nhiệm	(+)
H6	Chuẩn đạo đức cá nhân tác động thuận chiều đến hành vi du lịch có trách nhiệm	(+)

Nguồn: tác giả đề xuất

2.1.2. Mô hình nghiên cứu đề xuất

Cơ sở đề xuất mô hình nghiên cứu các nhân tố tác động đến hành vi du lịch có trách nhiệm của khách du lịch nội địa tại điểm đến Hòa Bắc - Đà Nẵng dựa vào thuyết TPB – hành vi có kế hoạch của Ajzen (1991) làm nền tảng, tuy nhiên bỏ qua các yếu tố trung gian là ý định hành vi. Đồng thời, kế thừa các nghiên cứu thực tiễn đã nêu,

tác giả đề xuất 4 nhân tố có tác động đến hành vi du lịch có trách nhiệm với 6 giả thuyết nghiên cứu; mô hình được thể hiện ở hình 2.1 như sau:

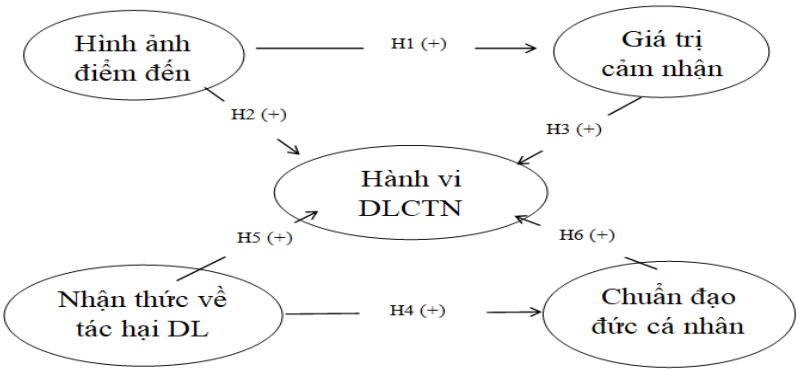

Hình 2.1. ***Mô hình nghiên cứu hành vi du lịch có trách nhiệm đề xuất***

2.2. QUY TRÌNH NGHIÊN CỨU

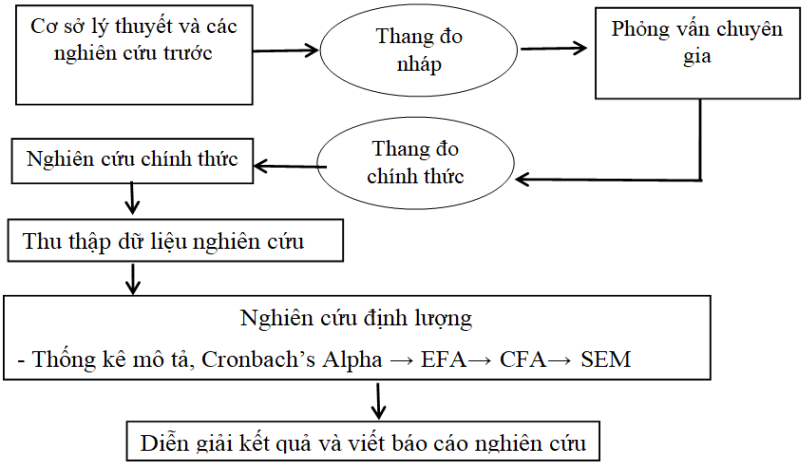

Hình 2.2. Quy trình nghiên cứu

2.3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.3.1. Phương pháp nghiên cứu định tính

2.3.2. Phương pháp nghiên cứu định lượng

2.4.THIẾT KẾ THANG ĐO VÀ XÂY DỰNG BẢNG HỎI

2.4.1.Thiết kế thang đo

Tất cả các thang đo của các yếu tố trong mô hình nghiên cứu đều sử dụng thang đo Likert với 5 mức độ (1= Hoàn toàn không đồng ý, 2= Không đồng ý, 3= Trung lập, 4= Đồng ý và 5= Hoàn toàn đồng ý)

a. Thang đo các nhân tố tác động đến hành vi du lịch có trách nhiệm

Bảng 2.3. Thang đo nhân tố Hình ảnh điểm đến

TT	Ký hiệu	Biến quan sát	Nguồn tham khảo
1	HA1	Khả năng tiếp cận điểm đến du lịch thuận lợi	(Wang & Hsu, 2010) (Stylidis et al., 2017) (Thuỷ, 2013)
2	HA2	Tài nguyên du lịch (tự nhiên, văn hóa) đặc sắc, phong phú	
3	HA3	Các món ăn đậm chất địa phương	
4	HA4	Các lễ hội đình làng hấp dẫn	
5	HA5	Hàng thủ công mỹ nghệ hấp dẫn	
6	HA6	Cơ sở hạ tầng đầy đủ, tiện nghi	
7	HA7	Người dân địa phương thật thà, hiếu khách	
8	HA8	Hoạt động du lịch phong phú mới lạ	
9	HA9	Giá cả hàng hoá/ dịch vụ hợp lý	
10	HA10	An ninh, an toàn tại điểm đến tốt	

Bảng 2.4. Thang đo nhân tố Gía trị cảm nhận

TT	Ký hiệu	Biến quan sát	Nguồn tham khảo
1	G1	Số tiền bỏ ra đáng giá	Noypayak, W. (2008)
2	G2	Mang lại nhiều niềm vui và hạnh phúc	
3	G3	Có nhiều kỷ niệm đẹp chia sẻ với mọi người	
4	G4	Là điểm đến du lịch tuyệt vời	

Bảng 2.5. Thang đo Nhận thức tác hại của du lịch

TT	Ký hiệu	Biến quan sát	Nguồn tham khảo
1	NT1	Gây cạn kiệt tài nguyên	D'Arco &cs (2023); Salinero &cs (2022)
2	NT2	Gây ô nhiễm môi trường tại điểm đến du lịch	
3	NT3	Tổn hại đến tính bền vững của các điểm đến du lịch	
4	NT4	"Thương mại hóa" các giá trị văn hóa truyền thống	

Bảng 2.6. Thang đo Chuẩn đạo đức cá nhân

TT	Ký hiệu	Biến quan sát	Nguồn tham khảo
1	DD1	Có nghĩa vụ tuân thủ các khuyến cáo về du lịch có trách nhiệm đối với du khách	D'Arco &cs (2023); Salinero &cs (2022)
2	DD2	Cá nhân mình nên cư xử một cách có trách nhiệm khi đi du lịch.	
3	DD3	Có nghĩa vụ phải giảm tác động tiêu cực đến môi trường, văn hóa và người dân địa phương khi đi du lịch.	

b. Thang đo hành vi du lịch có trách nhiệm của khách du lịch

Bảng 2.7. Thang đo hành vi du lịch có trách nhiệm

TT	Ký hiệu	Biến quan sát	Nguồn tham khảo
1	HV1	Tôi giảm rác thải và đồ nhựa sử dụng một lần, tiết kiệm nước và năng lượng …	Hoàng Thị Diệu Thúy &cs (2023); Del Chiappa (2016); Kết quả định tính
2	HV2	Tôi trải nghiệm và tôn trọng tất cả những gì làm nên sự khác biệt và độc đáo của điểm đến du lịch	
3	HV3	Tôi mua sản phẩm địa phương/ đóng góp vào kinh tế địa phương Hòa Bắc	
4	HV4	Tôi tôn trọng giá trị tự nhiên, văn hóa ở Hòa Bắc	
5	HV6	Tôi không mua các sản phẩm làm từ thực vật, động vật có nguy cơ tuyệt chủng	
6	HV7	Tôi tuân thủ luật pháp, quy định quốc gia, các quy tắc tại điểm du lịch	
7	HV8	Tôi ủng hộ các doanh nghiệp sử dụng lao động địa phương ở Hòa Bắc	
8	HV9	Tôi giới thiệu điểm đến du lịch Hòa Bắc cho những người khác	

2.3.2. Xây dựng bảng hỏi

Cấu trúc bảng hỏi gồm các nội dung như sau:

❖ **Phần mở đầu**: Giới thiệu

❖ **Phần khảo sát**: đánh giá tiêu chí.

❖ **Phần thông tin cá nhân**: thông tin về giới tính, độ tuổi, nghề nghiệp, học vấn, thu nhập,

2.3. NGUỒN VÀ PHƯƠNG PHÁP THU THẬP DỮ LIỆU

2.4.1. Kích thước mẫu

Nghiên cứu đã lựa chọn thu thập mẫu khảo sát từ 300 khách du lịch nội địa trong thời gian từ tháng 4/2023 đến đầu tháng 7/2023. Giới

hạn độ tuổi tham gia vào nghiên cứu được quy định từ 15 tuổi trở lên để đảm bảo các đáp viên có đủ ý thức để tham gia đi du lịch và trả lời câu hỏi trong bản khảo sát này.

2.4.2. Phương pháp thu thập dữ liệu

Để thực hiện được khảo sát với kích cỡ mẫu đã đề cập trên, tác giả chọn phương pháp lấy mẫu thuận tiện. Nghiên cứu định lượng được thực hiện bằng phương pháp thu thập dữ liệu thông qua bản câu hỏi điều tra khảo sát được thiết kế trên nền tảng Google Form. Sau khi thu thập, những dữ liệu có giá trị sẽ được mã hóa và xử lý.

2.4. PHÂN TÍCH DỮ LIỆU

Để thực hiện việc xử lý số liệu đảm bảo tính chính xác, nghiên cứu sử dụng phần mềm SPSS 26 và AMOS 25.

Dữ liệu sau khi thu thập sẽ được mã hóa và nhập vào phần mềm để tiến hành phân tích. Các phương pháp thống kê mô tả, kiểm định Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá (EFA), phân tích nhân tố khẳng định (CFA) và mô hình cấu trúc tuyến tính (SEM) sẽ được sử dụng để phân tích dữ liệu.

CHƯƠNG 3.
KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. TỔNG QUAN VỀ DU LỊCH XÃ HÒA BẮC, TP. ĐÀ NẴNG

3.1.1. Đặc điểm tài nguyên và văn hóa Hòa Bắc, TP. Đà Nẵng

Hòa Bắc là một xã thuộc huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, nằm ở phía tây bắc của huyện; có diện tích 343,34 km² và sở hữu khí hậu nhiệt đới gió mùa. Là vùng đệm giữa Bà Nà và vườn quốc gia Bạch Mã, hai thôn được hình thành từ những dãy núi cao, tạo ra những ghềnh thác và những cánh rừng nguyên sinh đa dạng.

Bản sắc người dân tộc Cơ tu là điểm nổi bật để Hòa Bắc có thể phát triển được loại hình du lịch cộng đồng. Nhiều lễ hội mang đậm bản sắc của dân tộc Cơ tu vẫn được gìn giữ đến bây giờ. Trong đời sống tinh thần, âm nhạc và múa là hai yếu tố tạo nên tinh hoa văn hóa của người Cơ tu, vũ điệu tung tung za zá và nghệ thuật hát lý - nói lý đã được đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.

Song song với mặt có sẵn và đạt được, xã Hòa Bắc đang gặp phải những khó khăn trở ngại cho phát triển du lịch. Hòa Bắc là xã miền núi nên có tiềm ẩn lũ quét, sạt lở đất. Người dân địa phương nơi đây đa số chủ yếu làm nông và khai thác các sản phẩm từ rừng nên thu nhập thấp, chưa ổn định; trình độ dân trí còn hạn chế. Vấn đề về tài chính như cơ sở hạ tầng kỹ thuật của xã và của điểm đến du lịch chưa được đầu tư thỏa. Sự bất lợi trong giao thông khiến việc di chuyển từ trung tâm thành phố Đà Nẵng đến xã Hòa Bắc là chưa thuận tiện.

3.1.2. Hoạt động du lịch tại Hòa Bắc - Đà Nẵng hiện nay

Kể từ năm 2019, hoạt động du lịch tại xã Hòa Bắc chính thức diễn ra, tập trung chính ở thôn Nam Yên và thôn Tà Lang và Giàn Bí. Thuộc chương trình các dự án nhỏ của Chương trình phát triển Liên Hợp Quốc và Qũy Môi trường toàn cầu (GEF) tài trợ cho dự án "*Bảo tồn văn hóa đồng bào Cơ tu gắn với phát triển du lịch sinh thái cộng đồng tại xã Hòa Bắc, huyện Hòa Vang*" được triển khai tại 2 thôn Tà Lang và Giàn Bí với tổng kinh phí hơn 2 tỷ đồng, đã mở ra hướng phát triển du lịch sinh thái, cộng đồng địa phương. Theo đó, 8 nhóm phục vụ du lịch sinh thái cộng đồng được thành lập gồm: cồng chiêng, văn nghệ, ẩm thực, trekking, đan lát, hát lý, dệt thổ cẩm và thuyết minh với sự tham gia của 62 hộ dân. Nằm bên kia cầu treo

Hòa Bắc là thôn Nam Yên, chủ yếu phát triển mô hình du lịch sinh thái, cắm trại.

Hiện tại, khách du lịch đến với Hòa Bắc hầu hết là nội địa thuộc giới trẻ. Khách du lịch trẻ đến đây chủ yếu là các hoạt động vui chơi cắm trại qua đêm. Lượng khách quốc tế đến Hoà Bắc với hình thức du lịch cộng đồng chưa đáng kể. Nền tảng tạo nên văn hóa Cơ tu là núi rừng nhưng hiện tại đã bị tàn phá nhiều, điều này đang dần làm văn hóa truyền thống bị mai một. Ban Đô thị Hội đồng nhân dân qua quản lý và giám sát cho biết, tại Hòa Bắc đã ghi nhận tình trạng xây dựng trái phép các công trình trên đất nông nghiệp để hình thành các dịch vụ du lịch.

Chính quyền địa phương đang gặp khó khăn trong việc quản lý du lịch tự phát trên địa bàn. Nhiều du khách tự ý cắm trại, đốt lửa chế biến thức ăn và xả rác bừa bãi, gây ô nhiễm môi trường. Điều này đòi hỏi chính quyền phải huy động người dân các thôn ra quân để dọn dẹp.

Hình 3.4. Các nguy cơ đe dọa đến phát triển du lịch Hòa Bắc, Đà Nẵng

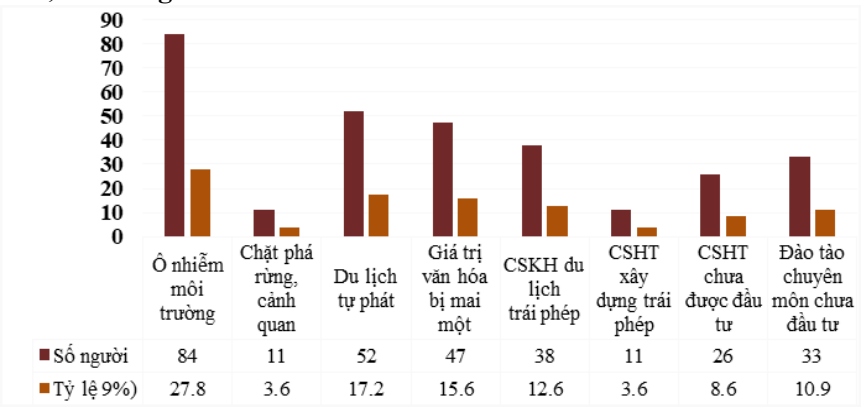

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu

3.3. GIỚI THIỆU MẪU NGHIÊN CỨU

3.3.1. Thống kê mô tả về đặc điểm khách du lịch

a. Mô tả mẫu nghiên cứu

Với khảo sát trực tuyến trên nền tảng Google form , thu về được 302 bản đạt yêu cầu. Việc sử dụng biểu mẫu của Google làm công cụ nghiên cứu được xem là đáng tin cậy vì những câu hỏi thường bắt buộc trả lời đầy đủ để sang câu hỏi khác.

Kết quả cho thấy, khách du lịch đến Hòa Bắc chủ yếu là nam (45%) và nữ (55%). Đa số (31.4%) nằm trong độ tuổi 18-25, trình độ học vấn chủ yếu dưới đại học (51.7%) hoặc đại học (36.4%), và nghề nghiệp chính thường là học sinh/sinh viên (23.2%). Thu nhập chủ yếu dưới 5 triệu (25.5%).

Nhóm độ tuổi từ 25-35 (29.8%) và từ 36-50 (30.1%) cũng chiếm một phần đáng kể. Nghề nghiệp chủ yếu trong nhóm này là nhân viên văn phòng (24.2%), thu nhập thường từ 5-10 triệu (43.0%). Khách du lịch tới Hòa Bắc đều phân bố trên nhiều độ tuổi, với tỷ lệ nhỏ ở nhóm trên 50 tuổi (6.0%). Các tỉnh miền Trung chiếm tỷ lệ cao nhất (82.5%), với Đà Nẵng chiếm đa số. Miền Bắc (7.3%) và miền Nam (10.3%) tham gia ít hơn.

b. Đặc điểm du lịch tại xã Hòa Bắc, Đà Nẵng của du khách

Mạng xã hội đang có ảnh hưởng lớn đến việc truyền thông về du lịch, chiếm tỷ lệ lớn nhất (43.3%) trong việc giới thiệu về Hòa Bắc theo kết quả khảo sát. Sự chia sẻ thông tin từ người thân/bạn bè (30%) cũng đóng vai trò quan trọng, chứng tỏ du khách trước đó đã có trải nghiệm tích cực và chia sẻ cho người thân. Hòa Bắc dựa vào mô hình du lịch sinh thái, cộng đồng, với hơn 66.2% du khách đến theo nhóm gia đình/người thân và 22.5% theo cơ quan/trường học. Hình thức du lịch tour chỉ chiếm 6.2%, và đi du lịch cá nhân chiếm

5.1%. Mục đích chính của du khách đến Hòa Bắc là tham quan (44.4%) và vui chơi giải trí (39.6%). Ngoài ra, vì đặc điểm văn hóa của người Cơtu, có đoàn sinh viên/trường học đến nghiên cứu/học tập (11.6%). Nghỉ dưỡng là mục đích ít phổ biến nhất (4.5%). Thời gian lưu trú chủ yếu từ 2-3 ngày (67.2%), sau đó là 1 ngày (15.9%) và trên 4-5 ngày (14.6%).

3.4. PHÂN TÍCH MÔ TẢ

Đối với Hành vi du lịch có trách nhiệm của du khách khi đến Hòa Bắc, Đà Nẵng là khá tích cực, các giá trị trung bình của tất cả các biến đều lớn hơn 3 và mức điểm được lựa chọn nhiều nhất (mode) là hầu như ở mức 4 cho thấy du khách có đồng ý nhất định đối với việc thực hiện hành vi du lịch có trách nhiệm. Trong đó các biến giao động trong khoảng từ 3,27 đến 3,56. Biến Không mua các sản phẩm làm từ thực vật, động vật có nguy cơ tuyệt chủng có giá trị thấp nhất là 3,27 và được chọn nhiều (mode) ở mức 3.

Đối với các biến nhân tố tác động đến Hành vi du lịch có trách nhiệm bao gồm Hình ảnh điểm đến; Gía trị cảm nhận; Nhận thức về tác hại của du lịch và Đạo đức cá nhân cũng đều có giá trị trung bình lớn hơn 3. Tuy nhiên, các biến có giá trị trung bình chưa thật sự cao, cho thấy mức độ đồng ý của khách du lịch cũng chưa thật sự tích cực. Điều này cũng phù hợp với thực tiễn du lịch của Hòa Bắc hiện nay, khi đây mới là điểm du lịch mới, chưa thật sự phát triển mạnh; lượng khách đến chưa nhiều và chưa thật sự gắn bó với điểm đến.

3.4. KIỂM ĐỊNH ĐỘ TIN CẬY THANG ĐO CRONBACH'S ALPHA

Kết quả kiểm định thang đo nhân tố cho thấy giá trị Cronbach's Alpha đều cao hơn mức yêu cầu 0,6. Ngoài ra giá trị của hệ số tương quan tổng của từng biến quan sát (Corected Item - Total Correlation)

đều lớn hơn 0,3. Nên cho phép kết luận thang đo của 5 nhân tố đảm bảo độ tin cậy để đo lường hành vi du lịch có trách nhiệm của du khách nội địa đối với điểm đến Hòa Bắc - Đà Nẵng và tiếp tục đến các phân tích sau.

3.5. PHÂN TÍCH NHÂN TỐ KHÁM PHÁ (EFA)

❖ Phân tích EFA lần 1:

Phân tích nhân tố EFA được thực hiện chung cho các thang đo HA, G, NT, DD và HV. Kết quả phân tích EFA lần 1 cho thấy:

- Hệ số KMO = 0,952 thỏa mãn điều kiện; hệ số sig = 0,000 < 0,05

Hầu hết các biến đều có hệ số tải đạt chất lượng tốt > 0,5, ngoại trừ hai biến HA1, HA3 có giá trị <0,5. Để biến quan sát có ý nghĩa thống kê tốt, nghiên cứu chọn Multivariate Data Analysis hệ số tải từ 0.5. Vì vậy, loại hai biến HA1 và HA3.

❖ Phân tích EFA lần 2:

Sau khi loại hai biến HA1 và HA3, tiếp tục thực hiện phân tích EFA lần 2. Kết quả hệ số KMO = 0,951 chứng tỏ nhân tố khám phá là thích hợp. Kết quả kiểm định Bartlett là 6210,795 với mức ý nghĩa thống kê Sig < 0,05 tức là các biến quan sát có tương quan với nhau trong tổng thể. Vì vậy, phân tích nhân tố khám phá là phù hợp để kiểm định thang đo.

Thực hiện phân tích nhân tố theo Principal Axis Factoring với phép xoay Promax. Kết quả cho thấy có 27 biến quan sát được phân thành 5 nhóm. Tổng phương sai trích là 66,008% > 50%, cho thấy 5 nhân tố này giải thích 66,008% biến thiên của dữ liệu, thang đo được chấp nhận. Giá trị hệ số Eigenvalue vủa các nhân tố đều lớn hơn 1. Tất cả hệ số tải Factor loading của từng nhóm đều lớn hơn hệ số tải đạt chất lượng tốt (0,5). Các nhân tố được hình thành từ các biến

quan sát cơ bản không khác biệt so với mô hình nghiên cứu đã đề xuất ban đầu, chỉ có biến HA1 và HA3 không đạt yêu cầu nên bị loại.

3.5. PHÂN TÍCH NHÂN TỐ KHẲNG ĐỊNH (CFA)

Kết quả của CFA trình bày các chỉ số đánh giá mức độ phù hợp của mô hình đều phù hợp với dữ liệu thị trường. Với các chỉ số gồm: CMIN/df = 2,008 ≤ 5 là tương đối tốt; CFI = 0,948 ≥ 0,9 là tốt; GFI = 0,863; RMSEA = 0,058 ≤ 0,08 là tốt; tất cả đều đạt yêu cầu.

Kết quả kiểm định CFA cho thấy các giá trị hệ số tải chuẩn hóa đều > 0,7 là mức tốt và tất các giá trị p-value < 0,05 nên kết luận rằng kết quả ước lượng đạt mức ý nghĩa thống kê. Độ tin cậy tổng hợp của các nhân tố đều lớn hơn 0,8 (CR đạt từ 0,882 đến 0,928). Các giá trị phương sai trích trung bình của các nhân tố đều cao hơn 0,5 (AVE đạt từ 0,603 đến 0,768). Từ kết quả này, khẳng định thang đo đạt được độ tin cậy và tính hợp lý hội tụ. Phân tích tính hợp lý phân biệt cho thấy chỉ số MSV< AVE và căn bậc hai của AVE của mỗi nhân tố đều lớn hơn tương quan giữa nhân tố đó với các nhân tố khác trong mô hình, điều này đưa ra kết luận rằng thang đo đảm bảo tính phân biệt.

Vậy, thang đo lường các khái niệm nghiên cứu đều đạt tiêu chuẩn về độ tin cậy, giá trị hội tụ và tính phân biệt. Do đó, 27 biến quan sát đủ ý nghĩa để tiếp tục đưa vào mô hình cấu trúc tuyến tính SEM.

3.6. PHÂN TÍCH MÔ HÌNH CẤU TRÚC TUYẾN TÍNH (SEM)

a. Đánh giá chung mức độ phù hợp của mô hình

Để ước lượng mô hình nghiên cứu và kiểm định các giả thuyết đưa ra, nghiên cứu áp dụng phương pháp ước lượng Maximum Likelihood. Các chỉ số cải biến mô hình cho thấy cần có sự hiệp biến giữa các biến độc lập. Hình 3.6 thể hiện kết quả phân tích mô hình

SEM với các giá trị CMIN/df = 2,135; CFI = 0,941, GFI = 0,856 và RMSEA = 0,061, tất cả đều đạt yêu cầu. Vậy, có thể khẳng định mô hình nghiên cứu là phù hợp với dữ liệu thị trường và đủ điều kiện để phân tích.

b. Phân tích kết quả kiểm định giả thuyết

Giả thuyết H1 và H2 được chấp nhận với mức ý nghĩa là 0,1% ($p < 0,001$). Hình ảnh điểm đến có tác động tích cực đến giá trị cảm nhận và hành vi du lịch có trách nhiệm của du khách nội địa khi đến du lịch tại xã Hòa Bắc, Đà Nẵng vì giá trị ước lượng cho thấy tác động thuận chiều với các trọng số là 0,864 và 0,477. Kết quả này có ý nghĩa là hình ảnh điểm đến càng tăng thì giả trị cảm nhận và hành vi du lịch có trách nhiệm càng tăng và ngược lại.

Tiếp theo, giá trị cảm nhận có tác động tích cực đến hành vi du lịch có trách nhiệm của du khách với mức ý nghĩa thống kê 0,01% và hệ số chuẩn hóa là dương ($ß = 0,184$), do đó giả thuyết H3 được chấp nhận.

Đối với mối quan hệ giữa nhận thức về tác hại của du lịch, chuẩn đạo đức cá nhân và hành vi du lịch có trách nhiệm, hệ số chuẩn hóa của các mối tương quan đều là dương và lần lượt là 0,690 và 0,312 cho các giả thuyết H4 và H5. Các hệ số này đều có ý nghĩa thống kê ở mức 0,1%. Do đó, giả thuyết H4 và H5 được chấp nhận.

Cuối cùng, với giả thuyết H6, chuẩn đạo đức cá nhân có tác động tích cực đến hành vi du lịch có trách nhiệm của du khách nội địa với mức ý nghĩa thống kê là 0,1% và hệ số chuẩn hóa các mối tương quan là 0,189.

Trong các biến tác động đến hành vi du lịch có trách nhiệm, hình ảnh điểm đến (HA) có tác động mạnh mẽ nhất lên hành vi (HV).

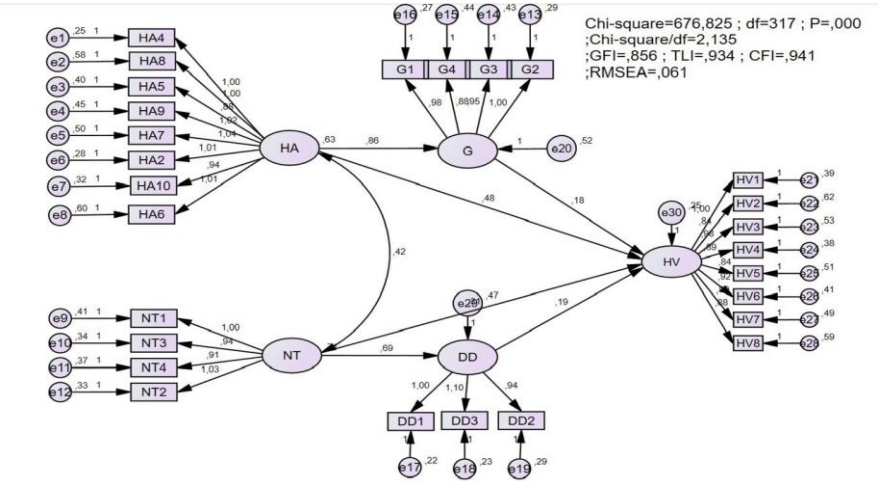

Hình 3.6. Kết quả mô hình SEM

Bảng 3.13 .Kết quả kiểm định giả thuyết

Giả thuyết	Mối quan hệ	Hệ số chuẩn hóa	SE	CR	P-value	Kết luận
H1	HA→ G	,864	,072	12,004	***	Chấp nhận
H2	HA → HV	,477	,082	5,802	***	Chấp nhận
H3	G → HV	,184	,053	3,456	***	Chấp nhận
H4	NT → DD	,690	,066	10,442	***	Chấp nhận
H5	NT → HV	,312	,076	4,092	***	Chấp nhận
H6	DD → HV	,189	,057	3,339	***	Chấp nhận

*SE: sai số chuẩn; CR: Độ tin cậy tổng hợp; ***p<0,001*

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu

Tiếp theo, nghiên cứu thực hiện phân tích Bootstrap trong SEM. Kết quả cho thấy mức độ sai lệch khá thấp, được đo lường qua hệ số Bias và SE-Bias. Do đó, phương pháp này có thể áp dụng trong thực tế để ước lượng mẫu nghiên cứu và tổng quát cho toàn bộ quần thể, làm cho kết quả từ mô hình SEM trở nên đáng tin cậy và tin tưởng.

c. Phân tích mối quan hệ trung gian

Phương pháp Bootstrap được sử dụng để kiểm tra mối quan hệ gián tiếp của hình ảnh điểm đến lên hành vi du lịch có trách nhiệm; và nhận thức điểm đến lên hành vi du lịch có trách nhiệm.

Dựa theo kết quả, mối quan hệ gián tiếp từ HA lên HV là 0,002 < 0,05 (mức ý nghĩa) và NT lên HV cũng tương tự. Như vậy, có tồn tại mối quan hệ trung gian từ HA lên HV với hệ số tác động chuẩn hóa là 0,132; từ NT lên HV với hệ số tác động chuẩn hóa là 0,114. Kết luận giả thuyết được chấp nhận như mô hình đã đề xuất từ ban đầu.

Bảng 3.15. Kết quả phân tích mối quan hệ trung gian

Mối quan hệ giả thuyết	**Gián tiếp**		**Kết luận**
	S.E.S	**P-Value**	
HA→ G→ HV	0,132	0,002	Chấp nhận
NT→ DD→ HV	0,114	0,002	Chấp nhận

Với S.E.S: Hệ số tác động chuẩn hóa

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu

3.7. KIỂM ĐỊNH SỰ KHÁC BIỆT CÁC MỐI QUAN HỆ THEO ĐẶC ĐIỂM NHÂN KHẨU HỌC TRONG MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu thực hiện xem xét mối quan hệ các giả thuyết nghiên cứu có sự khác biệt giữa các nhóm bao gồm giới tính, độ tuổi và trình độ học vấn. Trong đó, tác giả chia các nhóm theo đặc điểm nhân khẩu học về Giới tính (nam và nữ), Độ tuổi (từ 15 đến 35 tuổi, từ 36 tuổi trở lên), Trình độ học vấn (dưới đại học; đại học và sau đại học). Kết quả cho thấy các nhóm phân theo trình độ học vấn có sự khác biệt đáng kể trong các mối quan hệ của mô hình nghiên cứu, trong khi giới tính và độ tuổi thì không.

CHƯƠNG 4.
KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

4.1. KẾT LUẬN

4.1. Tóm tắt nội dung nghiên cứu

4.1.2. Tóm tắt kết quả nghiên cứu

Nghiên cứu này góp phần đánh giá được hành vi du lịch có trách nhiệm của du khách nội địa tại xã Hòa Bắc, Đà Nẵng khi đi du lịch bằng cách kết hợp thêm các biến gồm hình ảnh điểm đến, giá trị cảm nhận, nhận thức tác hại của du lịch và chuẩn đạo đức cá nhân. Kết quả sau giai đoạn tháng 4/2023 đến tháng 7/2023 tiến hành khảo sát thu được 302 bản câu hỏi trực tuyến.

Kết quả đầu tiên trong phân tích là giá trị trung bình từ kết quả thống kê mô tả các mức độ đồng ý, cho thấy việc thực hiện hành vi du lịch có trách nhiệm của khách du lịch tại xã Hòa Bắc, TP.Đà Nẵng đều trên mức trung bình 3/5. Các thang đo được xây dựng để đo lường tổng 29 biến quan sát. Sau khi thực hiện kiểm định nhân tố khám phá EFA đã loại 2 biến quan sát không có ý nghĩa, kết quả còn 27 biến quan sát tiếp tục thực hiện các phân tích sau . Sau khi loại 2 biến quan sát, tiếp tục chạy EFA lần hai đạt yêu cầu để đưa vào kiểm định nhân tố khẳng định CFA (27 biến quan sát). Kết quả cho thấy đạt tiêu chuẩn về độ tin cậy, giá trị hội tụ và tính phân biệt để đưa vào kiểm định mô hình cấu trúc tuyến tính SEM.

Qua phân tích mối quan hệ tác động trên AMOS, kết quả nghiên cứu đã góp phần xác nhận các cơ chế hình thành hành vi DLCTN của khách du lịch: Hình ảnh điểm đến → Giá trị cảm nhận → Hành vi DLCTN; Nhận thức về tác hại của du lịch → Chuẩn mực đạo đức cá nhân → Hành vi DLCTN. Kết quả này góp phần làm phong phú thêm cơ sở lý thuyết về vai trò của lý thuyết Kích hoạt Tiêu chuẩn (Norm Activation Theory) (Schwartz, 1977) và Khung lý thuyết S-O-R

(Stimulus-Organism-Response framework) (Mehrabian & Russell, 1974) trong việc giải thích hành vi DLCTN của khách du lịch. Như vậy, hình ảnh điểm đến được nhận diện là tiền đề cho giá trị cảm nhận, và thúc đẩy đáng kể hành vi DLCTN; cũng như Nhận thức về tác hại của du lịch được khẳng định là tiền đề cho chuẩn mực đạo đức cá nhân, và góp phần vào việc thực hiện hành vi DLCTN của khách du lịch. ". Kết quả kiểm định sự khác biệt các mối quan hệ theo đặc điểm nhân khẩu học, đã cho thấy trình độ học vấn có tác động đến hành vi DLCTN trong khi các đặc điểm khác là độ tuổi, giới tính thì không.

4.2. ĐỀ XUẤT

4.2.1. Đối với chính quyền địa phương

❖ *Xây dựng và phát triển du lịch theo hướng bền vững, có trách nhiệm.*

❖ *Xây dựng hình ảnh điểm đến du lịch Hòa Bắc rõ ràng và đặc trưng*

❖ *Cải thiện và nâng cấp cơ sở hạ tầng và tiện nghi du lịch*

❖ *Tiếp thị và xúc tiến du lịch*

4.2.2. Đối với doanh nghiệp/cơ sở kinh doanh du lịch

❖ *Kinh doanh sản phẩm/dịch vụ du lịch có trách nhiệm*

❖ *Chú trọng đến truyền thông*

❖ *Phối hợp cùng chính quyền và cộng đồng địa phương:*

4.2.3. Đối với người dân địa phương

4.3. HẠN CHẾ CỦA NGHIÊN CỨU

Vì thời gian hạn chế, nghiên cứu chỉ tập trung vào 302 mẫu khách du lịch nội địa, không bao gồm khách quốc tế và các bên liên quan khác. Tương lai cần mở rộng mẫu đối tượng và xem xét nhiều khía cạnh hơn để hiểu rõ hơn về hành vi du lịch có trách nhiệm và xây dựng mô hình tích hợp bao quát hơn.